

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK TÔ
TỈNH KON TUM**

Bản án số: **14/2021/HSST**

Ngày: 23-8-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK TÔ, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Minh Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Luận và ông Trần Văn Trọng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tú - Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2021/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **A T**; tên gọi khác: Không; sinh năm 2001 tại Kon Tum; trú tại: Thôn G, xã T, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Xơ Đăng; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A B, sinh năm 1958 và bà Y P, sinh năm 1959; bị cáo chưa có vợ con; gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **A B1**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1976 tại Kon Tum; trú tại: Thôn G, xã T, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A A (đã chết) và bà Y D, sinh năm 1954; có vợ là Y B và 07 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2018; gia đình có 05 (năm) anh chị em, bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **A H**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1990 tại Kon Tum; trú tại: Thôn G, xã T, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ

văn hoá: 0/12; dân tộc: Xơ Đăng; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A R (đã chết) và bà Y H, sinh năm 1963; bị cáo chưa có vợ con, gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **A K**; tên gọi khác: B V; sinh năm: 1983 tại Kon Tum; trú tại: Thôn G, xã T, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: Xơ Đăng; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A R1 và bà Y L; có vợ là Y P1 và 01 người con sinh năm 2003; gia đình có 08 (tám) anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; trong gia đình tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **A B2**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1998 tại Kon Tum; trú tại: Thôn G, xã T, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Xơ đăng; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A B3 sinh năm 1955, và bà Y K (đã chết); có vợ là Y T và 01 người con sinh năm 2019; gia đình có 09 (chín) anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Bà Đặng Thị Kim Nguyệt - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kon Tum (Có mặt).

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Lương Đức T, sinh năm 1993 (Có đơn xin vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Võ Bảo Th, sinh năm 1991(Có đơn xin vắng mặt).

Cùng trú tại: Khối 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum

+ Anh Võ Minh T, sinh năm 1991, (Có mặt).

Trú tại: 14 NTN, phường DT, Tp K, tỉnh Kon Tum

+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1989 (Có đơn xin vắng mặt).

Trú tại: Khối 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum

+ Anh Nguyễn Q, sinh năm 1992 (Có đơn xin vắng mặt).

Trú tại: Khối 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum

- *Người làm chứng:* Ông A B, sinh năm 1958; bà Y P, sinh năm 1959; chị Y B, sinh năm 1980 (Đều có mặt); bà Y B2, sinh năm 1955 (Vắng mặt).

Cùng trú tại: Thôn G, xã T, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện kế hoạch số 1313/KH-CAH ngày 09/12/2020 của Công an huyện Đắk Tô về việc tăng cường kiểm tra, xử lý phương tiện không đảm bảo điều kiện lưu hành và kế hoạch công tác tuần từ ngày 11/01/2021 đến ngày 17/01/2021 của Đội Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an huyện Đắk Tô. Vào khoảng 08 giờ ngày 15/01/2021, Tổ tuần tra kiểm soát giao thông Công an huyện Đắk Tô phối hợp với Công an xã Đắk Trăm, gồm: anh Nguyễn Văn C (tổ trưởng); anh Lương Đức T; anh Nguyễn Q; anh Võ Minh T; anh Nguyễn Võ Bảo Th đang tiến hành tuần tra tại đường liên thôn thuộc Thôn G, xã T, huyện Đ thì phát hiện A T điều khiển xe mô tô (xe sắt độ chế), không gắn biển kiểm soát, không đội mũ bảo hiểm lưu thông hướng Quốc lộ 40B rẽ vào đường bê tông liên thôn. Tổ công tác ra tín hiệu dừng xe nhưng A T không chấp hành tín hiệu mà bỏ chạy. Khi đến trước cửa nhà bà Y B2 thì xe tắt máy nên A T bỏ xe mô tô lại rồi bỏ chạy (tay lái xe ngã xuống đập vào phần đuôi phải anh Tài khi đó đang truy đuổi đối tượng). A T bỏ chạy về nhà để báo cho người thân là xe bị cảnh sát giao thông bắt. Sau khi tổ công tác lập biên bản tạm giữ xe và đưa xe mô tô vi phạm của A T lên thùng xe ô tô đặc chủng BKS: 82B-0738 để xử lý thì A T quay lại nhảy lên thùng xe ô tô để xô đẩy, giằng co với tổ tuần tra nhằm giành lại chiếc xe. Cùng lúc đó các đối tượng có mặt tại hiện trường bao gồm: A B (bố); Y P (mẹ); Y B(chị gái); A B1 (anh rể) đứng xung quanh xe ô tô đặc chủng và xin lực lượng chức năng thả xe cho A T. A K giật lấy bình xăng từ xe mô tô của A T rồi đe dọa lực lượng chức năng nếu không thả xe A T ra thì sẽ đốt xe ô tô đặc chủng nhưng xin không được nên đã đổ xăng vào phần đầu xe ô tô để đe dọa, sau đó A K không bật lửa đốt mà đem bình xăng về nhà Y B cất. Lúc này, A H trèo lên thùng xe ô tô đặc chủng để đẩy xe độ chế xuống đất nhưng không đẩy được nên nhảy xuống. A T ở trên thùng xe ô tô đưa phần đầu xe độ chế xuống đất, A B1 đứng dưới giúp nâng được phần đầu xe qua thùng xe ô tô. Nhưng phần đuôi xe mô tô vẫn bị kẹt ở thành của thùng xe ô tô (phần đầu xe đang lơ lửng trên không) và được A H phụ giúp gỡ ra đưa được xe mô tô xuống đất.

Khi xe được đưa xuống đất, AB2 dắt xe mô tô vi phạm đi cất giấu nhưng vì xe nặng nên A H đã phụ A B2 đem xe đi cất giấu. Sau đó, A T nhảy từ thùng xe ô tô xuống thì bị anh Tân giữ lại, A T đã cắn vào tay anh T để thoát thì bị 03 anh (C, T và Th) tiếp tục giữ lại nhằm đưa về trụ sở Công an xã Đắk Trăm làm việc. Lúc này, A B1 dùng tay đè anh T xuống và giật tay anh T ra khỏi người A T để A T thoát được và chạy trốn lên rẫy.

Đối với anh Lương Đức T, bị thương bầm tím với kích thước (6x7)cm tại vị trí mặt ngoài đùi phải. Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 42/TgT-TTPY ngày 01/4/2021 của trung tâm pháp y tỉnh Kon Tum, tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 00%.

Đối với anh Võ Minh T, ở mu bàn tay trái có vết thương rách da cơ kích thước (01x01)cm. Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 52/TgT-TTPY ngày 07/4/2021 của trung tâm pháp y tỉnh Kon Tum, tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 00%.

Tại Bản Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô truy tố các bị cáo A T, A H, A B1, A K, A B2 về tội “*Chống người thi hành công vụ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo A T từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng.

- Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36; khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo A B1 từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36; khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo A H, A B2, A K từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu thập cho các bị cáo A B1, A H, A B2, A K vì các bị cáo làm nông, thu nhập không ổn định. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo có ý kiến, nhất trí với tội danh và điều luật như đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là đồng bào dân tộc thiểu số sống tại vùng điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên đề nghị hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, xử phạt bị cáo A T 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng; xử phạt bị cáo A B1 09 tháng cải tạo không giam giữ; các bị cáo A H, A K, A B2 06 tháng cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo A B1, A H, A B2, A K; miễn án phí cho tất cả các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận gì, lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các anh Nguyễn Văn C, Nguyễn Q, Nguyễn Võ Bảo Th, Lương Đức T có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Y B2 là người làm chứng vắng mặt không lý do. Xét thấy không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã đủ cơ sở để khẳng định: Ngày 15/01/2021, khi đang thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát giao thông trên tuyến Quốc lộ 40B, đoạn qua xã Đăk Trăm, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, Tổ tuần tra công an huyện Đăk Tô phát hiện A T có hành vi điều khiển xe mô tô độ chế không có biển kiểm soát, không đội mũ bảo hiểm nên đã ra hiệu A T dừng xe lại để kiểm tra nhưng A T không chấp hành và bỏ chạy, bị Tổ tuần tra truy đuổi, lập biên bản vi phạm hành chính và giữ xe vi phạm. Khi xe mô tô của A T bị đưa lên thùng xe ô tô chuyên dụng của tổ tuần tra, thì các bị cáo gồm: A T, A H, A B1, A K và A B2, đã có những hành động chống đối, ngăn cản hoạt động thi hành công vụ của Tổ tuần tra, giành giật lại chiếc xe mô tô vi phạm của A T rồi mang đi cất giấu. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Chống người thi hành công vụ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện

Đã Tô truy tố các bị cáo về tội danh với điều khoản đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây cản trở đến việc thực hiện nhiệm vụ của Tổ tuần tra kiểm soát giao thông Công an huyện Đắk Tô, đồng thời xâm phạm đến hoạt động của nhà nước về quản lý hành chính trong lĩnh vực thi hành nhiệm vụ công, gây mất an ninh trật tự, tạo tiền lệ xấu trên địa bàn dân cư. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với vai trò, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra để trừng trị, giáo dục, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc để thực hiện tội phạm, mà chỉ là hành vi bộc phát, tiếp nhận ý chí cùng thực hiện tội phạm, nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần phải căn cứ vào vai trò, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo, cụ thể như sau:

Đối với A T, là người thực hiện hành vi quyết liệt nhất trong các bị cáo. Khi có hành vi vi phạm luật giao thông đường bộ, bị cáo đã không chấp hành hiệu lệnh của tổ tuần tra mà bỏ chạy, khi bị truy đuổi bị cáo đã vút xe làm tay lái xe trúng vào đùi anh Tài, là thành viên trong tổ tuần tra nhằm cản trở việc truy đuổi. Khi xe vi phạm của bị cáo bị đưa lên thùng xe ô tô, bị cáo đã gọi người nhà, đồng thời trèo lên thùng xe dùng vũ lực để giằng co, cản trở, giành giật, nắm áo anh Cung trong tổ tuần tra nhằm mục đích giành lại xe. Sau khi đưa được xe vi phạm xuống và được A H, A B2 đem đi giấu, bị cáo đã cắn vào tay anh T trong tổ tuần tra để chạy thoát. Hành vi của bị cáo thể hiện sự manh động, coi thường pháp luật, là tiền đề cho các hành vi của bị cáo khác, gây mất an ninh trật tự trên địa bàn. Vì vậy, bị cáo phải chịu mức hình phạt cao nhất trong các bị cáo là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và cải tạo bản thân.

Đối với A B1, là người giúp A T đưa xe mô tô của A T từ thùng xe ô tô xuống đất, khi A T bị tổ tuần tra không chế, A B1 đã đè và giật tay anh T ra để cho A T chạy thoát.

Đối với bị cáo A K, khi xe mô tô của A T bị đưa lên thùng xe, bị cáo đã có hành vi giật can xăng từ xe mô tô, đe dọa tổ tuần tra thả xe A T ra nhưng không được, sau đó đổ xăng vào đầu xe ô tô dọa đốt nhưng không thực hiện mà đem can xăng về nhà Y B cất giấu.

Xét hành vi của A B1 và A K chỉ muốn giúp A T giành lại xe để chở mì, không có mục đích chống đối từ đầu, không có sự quyết liệt bằng A T. Vì vậy,

không cần thiết phải cách ly hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ răn đe đối với hai bị cáo.

Đối với bị cáo A H, có hành vi trèo lên thùng xe ô tô phụ A T đẩy xe mô tô xuống nhưng không được, sau đó nhảy xuống đất phụ giúp A B1 và A T đưa xe mô tô xuống, sau đó phụ A B2 đẩy xe vi phạm của A T đi cất giấu, vai trò thấp hơn A T, A B1 và A K, nên mức hình phạt cũng thấp hơn.

Đối với A B2, sau khi các bị cáo khác đưa được xe mô tô vi phạm của A T từ xe ô tô xuống đất, A B2 cùng A H dắt xe mô tô của A T đi cất giấu, vai trò của A B2 không đáng kể nên mức hình phạt thấp nhất trong các bị cáo.

Xét mức độ, vai trò của A H và A B2 trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy cho các bị cáo cơ hội để tự cải tạo bản thân tại nơi cư trú là phù hợp, giao hai bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa chung.

Hai bị cáo A H và A B2 đều là người làm nông, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với hai bị cáo.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- *Về nhân thân*: Các bị cáo đều có nhân tốt, không có tiền án, tiền sự.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Các bị cáo không phải chịu

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, các bị cáo đều là người đồng bào dân tộc thiểu số sống tại vùng điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp (bị cáo A T học đến lớp 6, A B2 học đến lớp 5, còn A H, A K và A B1 không đi học) nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Vì vậy, hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô độ chế, không mang biển kiểm soát. Đây xe mô tô các bị cáo giành lại từ Tổ công tác. Xét thấy, xe độ chế là phương tiện cấm lưu hành nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 ống bằng tre hình trụ, có kích thước dài 80 cm, đường kính 03 cm, dùng để làm bộ phận giảm thanh cho xe mô tô vi phạm; 01 can bằng nhựa trong

suốt được sử dụng để làm can xăng cho xe mô tô mà A K giật đổ xăng lên đầu xe ô tô đặc chủng để đe dọa tổ tuần tra, xét không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với bà Y P, chị Y B, ông A B, là người thân của A T, có mặt tại hiện trường nhưng không có hành vi hô hào, cổ vũ hay giúp các bị cáo cản trở tổ tuần tra thi hành công vụ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với thương tích của anh Lương Đức T và anh Võ Minh T do A T gây ra, kết quả giám định thương tích là 0%, anh T và anh Tân không có yêu cầu gì nên hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo A T, A H, A B1, A K và A B2 là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quyết định số 1010/QĐ-TTG ngày 10/8/2018 và quyết định số 861/QĐ-TTG ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo A T, A H, A B1, A K và A B2 phạm tội “ *Chống người thi hành công vụ*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo A T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo A B1 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/8/2021).

Xử phạt bị cáo A K 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/8/2021).

Giao hai bị cáo A B1, A K cho UBND xã Đắk Trăm, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo A B1 và A K có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đắk Trăm trong việc giám sát, giáo dục hai bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư

trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo A H 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đăk Trăm, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đăk Trăm, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đăk Trăm trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Xử phạt bị cáo A B2 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đăk Trăm, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đăk Trăm, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đăk Trăm trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho hai bị cáo A H và A B2.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô không mang biển kiểm soát, bên ngoài có ghi dòng chữ DAMSAN, có số khung RPHWCHBUM5H120963, số máy RPTDS152FMH00120963.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) ống bằng tre hình trụ, màu xanh nhạt, có kích thước dài 80 cm, đường kính 03 cm, dùng để làm bộ phận giảm thanh cho xe mô tô vi phạm; 01 (một) can bằng nhựa trong suốt dài 28 cm, đường kính 10 cm, trên thân can nhựa có gắn một tay cầm bằng nhựa, màu vàng, kích thước 10x2 cm, nắp can màu vàng, hình tròn có đường kính 3 cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/7/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Tô và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Tô).

3. Về án phí:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo A T, A H, A B1, A K và A B2

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/8/2021). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Tô;
- Công an huyện Đắk Tô;
- Chi cục THADS huyện Đắk Tô;
- Bị cáo, người bào chữa, người CQLNVLQ;
- UBND xã Đắk Trăm;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Minh Huy